

Số: 69/2018/QĐST-HNGĐ

Phú Bình, ngày 04 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 80/2018/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2018,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Ngô Văn T và Chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1. Về yêu cầu ly hôn:** Anh Ngô Văn T và Chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Hai bên đương sự (Anh Ngô Văn T và Chị Nguyễn Thị H) thỏa thuận: Anh Ngô Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngô Văn D, sinh ngày 10/3/2007; Chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngô Văn H, sinh ngày 19/3/2015 cho đến khi trưởng thành. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung.

**2.3. Về tài sản chung, công nợ chung:**

- Về tài sản chung: Phần tài sản anh T quản lý, sử dụng 01 nhà cấp bốn rộng 66m<sup>2</sup>, 320 đất thổ cư + đất vườn đã có GCNQSD đất số BB 189160 ngày 17/7/2010 tên anh T và chị H và 500m<sup>2</sup> đất đồi rừng tại xóm T, xã T, huyện P. Anh T có trách nhiệm trích chia cho chị H một khoản tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Phần tài sản của chị H được sử dụng là 200.000.000đ do anh T trích chia.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm:** Anh Ngô Văn T nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000451 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Anh Ngô Văn T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP, BP.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Quang Thái**

